

Số: ~~1566~~/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày ~~26~~ tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đề án Hưởng ứng trồng một tỷ cây xanh
giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh Danh mục cây xanh kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án Hưởng ứng trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Hưởng ứng trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1566/QĐ-UBND** ngày **26** tháng 6 năm 2021
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. QUAN ĐIỂM

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, cộng đồng dân cư và người dân đối với công tác phát triển rừng và trồng cây xanh; nâng cao chất lượng và giá trị các hệ sinh thái rừng, phát huy được vai trò của rừng và cây xanh đối với phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu.

2. Đề án hưởng ứng trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh được xem như là nhiệm vụ tổng hợp để phát triển ngành lâm nghiệp tại địa phương theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng rừng và phát triển bền vững. Do đó, hoạt động phát triển cây xanh cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Phát huy truyền thống trồng cây do Bác Hồ khởi xướng, đưa việc trồng cây xanh thực sự trở thành phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả của các cấp, các ngành, trong từng khu dân cư với sự tham gia tích cực của mọi người dân, tránh thực hiện phô trương, hình thức.

3. Tăng cường xã hội hóa, thu hút mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế và lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế xã hội để trồng cây xanh.

4. Trồng cây xanh phải đi đôi với chăm sóc, bảo vệ, quản lý, giám sát để bảo đảm cây trồng, rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

II. MỤC TIÊU

Phấn đấu đến hết năm 2025, tỉnh Thừa Thiên Huế trồng được ít nhất 7,0 triệu cây xanh, trong đó 4,7 triệu cây xanh trồng phân tán ở các khu đô thị và vùng nông thôn; 2,3 triệu cây xanh tập trung trong rừng phòng hộ và trồng mới rừng trồng sản xuất, nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và sự phát triển bền vững.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

Đối tượng thực hiện chủ yếu là trồng cây xanh phân tán (bao gồm khu vực đô thị và nông thôn) và một phần diện tích trồng cây xanh trong rừng tập trung (gồm trồng rừng phòng hộ, đặc dụng; trồng mới rừng sản xuất, không tính diện tích trồng rừng thay thế và trồng lại rừng sản xuất sau khai thác gỗ), trong đó:

1.1. Cây phân tán

a) Cây phân tán đô thị

Mai vàng, Dầu rái, Bằng, Phượng, Xà cừ, Long não, Bằng lăng, Sấu, Hoàng lan, Sấu, Ngọc lan, Cọ dừa, Thông Caribê,... theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Danh mục cây xanh kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 về việc ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Cây phân tán nông thôn

- Cây phân tán ở vùng gò đồi, miền núi: Mai vàng, Sao đen, Huỷnh, Dầu rái, Lim xanh, Lát hoa, Sưa, Dó bầu, Giáng hương, Gõ, Re gừng, Keo lá tràm, Keo lai hom,...

- Cây phân tán ở vùng đồng bằng, ven biển: Mai vàng, Sao đen, Huỷnh, Dầu rái, Lim xanh, Lát hoa, Bằng, Keo lười liềm, Keo chịu hạn, Dẻ, Trâm, Bời lời, Mù u, Quế rành, Máu chó, Cà ôi,...

1.2. Cây xanh trồng rừng tập trung

a) Rừng phòng hộ

- Rừng phòng hộ đầu nguồn: Lim xanh, Lát hoa, Ươi, Re gừng, Gõ, Dầu rái, Sến trung, Mỡ, Kiền, Chò,...

- Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển (rừng ngập nước): Bần chua, Dừa nước, Đước, Tràm Úc,...

- Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát ven biển: Keo lười liềm, Keo chịu hạn, Dẻ, Trâm, Bời lời, Mù u, Quế rành, Máu chó, Cà ôi,...

b) Rừng sản xuất gỗ lớn

- Cây sinh trưởng nhanh: Keo tai tượng, Keo lá tràm, Keo lai hom, Keo lười liềm, Xoan ta, Gáo vàng, Mỡ, Trám đen, Giổi xanh,...

- Cây sinh trưởng chậm: Lát hoa, Huỷnh, Lim xanh, Sến trung, Sao đen, Dầu rái, Chò chỉ, Giáng hương, Re gừng, Gõ đỏ, Ươi, Thông Caribê,...

2. Phạm vi thực hiện

Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó:

a) Trồng cây xanh phân tán trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp

- Cây xanh đô thị: Trồng trên đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường, khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, các công trình tín ngưỡng, nhà ở và các công trình công cộng khác,...

- Cây xanh nông thôn: Trồng trên đất vườn, hành lang giao thông, ven sông, kênh mương, bờ vùng, bờ đồng, nương rẫy; khu văn hóa lịch sử, tôn giáo, khu cụm công nghiệp, khu chế xuất; kết hợp phòng hộ trong khu canh tác nông nghiệp và các mảnh đất nhỏ phân tán; các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, đất bị suy thoái, sa mạc hóa, bãi thải khai thác khoáng sản và đất chưa sử dụng khác,...

b) Trồng cây xanh tập trung trên đất quy hoạch lâm nghiệp

- Đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ, trong đó đặc biệt ưu tiên trồng rừng phòng hộ đầu nguồn và trồng rừng phòng hộ vùng ven biển.

- Đất chưa có rừng, chưa đủ tiêu chí thành rừng trong phân khu phục hồi sinh thái và phân khu dịch vụ, hành chính của rừng đặc dụng là vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan.

- Đất quy hoạch trồng mới rừng sản xuất.

3. Nhiệm vụ thực hiện

3.1. Phương pháp tính chỉ tiêu trồng cây xanh

3.1.1. Đối với trồng cây xanh phân tán

Căn cứ tiềm năng đất đai hiện có, mật độ dân số khu vực nông thôn, thành thị, số người trong độ tuổi lao động, số lượng các công trình công cộng, trường học, trụ sở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các chương trình dự án trong và ngoài nước, các nguồn lực đầu tư của tổ chức, cá nhân... và chỉ tiêu phấn đấu hàng năm để xác định chỉ tiêu số lượng cây xanh trồng phân tán của địa phương, cụ thể như sau:

a) Trồng Mai vàng

- Trồng Mai vàng tại hộ gia đình: Mỗi hộ gia đình trồng 02 cây. Các huyện A Lưới, Nam Đông dự kiến 30% số hộ gia đình hưởng ứng tham gia; các huyện: Phong Điền, Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền và thị xã: Hương Trà, Hương Thủy dự kiến 35% số hộ gia đình hưởng ứng tham gia; thành phố Huế dự kiến 15% số hộ gia đình hưởng ứng tham gia.

- Trồng vườn Mai vàng: Mỗi huyện, thị xã, thành phố Huế trồng 02 vườn Mai vàng (3.000 m²/vườn, mật độ 666 cây/ha, tương đương 200 cây/vườn).

- Trồng Mai vàng tại các trường học: Mỗi trường học trồng ít nhất 10 cây.

- Trồng Mai vàng tại các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Mỗi đơn vị trồng ít nhất 02 cây.

- Trồng Mai vàng tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, nhà văn hóa cộng đồng, tuyến đường, đền chùa, địa điểm di tích, khu vực cảnh quan, nghĩa trang liệt sỹ, Trạm y tế...: Mỗi xã, phường, thị trấn vận động người dân, cơ quan, đoàn thể...đóng trên địa bàn trồng ít nhất 100 cây.

- Mỗi đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh) được giao nhiệm vụ quy hoạch và tổ chức trồng ít nhất 10 vườn Mai vàng Huế trong khuôn viên doanh trại, diện tích trên 3.000m²/vườn, mật độ 666 cây/ha, tương đương 200 cây/vườn.

b) Trồng cây xanh phân tán khác

- Triển khai phong trào “Xanh phố - Xanh nhà - Xanh làng xóm”: Mỗi người trong độ tuổi lao động trồng ít nhất là 01 cây xanh/năm ở các tuyến đường làng, ngõ xóm, đường phố, xung quanh nhà, khuôn viên trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các công viên, bãi đất trống, vườn nhà,....

- Các cây xanh khác: Theo kế hoạch trồng cây xanh phân tán hàng năm và 05 năm từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước cung cấp cây giống phục vụ Tết trồng cây, dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển, Quỹ Vì một Huế xanh,...

3.1.2. Đối với trồng cây xanh tập trung

- Căn cứ quỹ đất của các địa phương, chủ rừng và kế hoạch trồng rừng từ các chương trình, dự án để xác định diện tích trồng cây xanh tập trung.

- Trên cơ sở phương pháp tính toán nêu trên, toàn tỉnh phấn đấu trồng khoảng 7,0 triệu cây xanh, gồm 4,7 triệu cây xanh phân tán và 2,3 triệu cây xanh tập trung (tăng 40% so với chỉ tiêu của Thủ tướng Chính phủ).

3.2. Chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể

3.2.1. Trồng cây xanh phân tán

Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu trồng ít nhất 4,7 triệu cây xanh cho các địa phương (bình quân mỗi năm trồng 0,94 triệu cây), trong đó:

- Mai vàng: 200.000 cây.
- Cây xanh đô thị: 1.700.000 cây.
- Cây xanh nông thôn: 2.800.000 cây.

a) Giao chỉ tiêu trồng Mai vàng cho các địa phương, đơn vị

* Các số liệu đầu vào để giao chỉ tiêu trồng Mai vàng:

STT	Địa phương	Số hộ gia đình	Số trường học	Số cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp	Số vườn Mai	Số xã, phường, thị trấn
1	Huyện Phong Điền	24.540	71	35	2	16
2	Huyện Quảng Điền	22.420	52	31	2	11
3	Huyện Phú Vang	46.470	87	27	2	19
4	Huyện Phú Lộc	35.530	73	34	2	17
5	Huyện Nam Đông	6.490	30	29	2	10
6	Huyện A Lưới	12.790	48	30	2	18
7	Thị xã Hương Trà	29.920	63	28	2	15
8	Thị xã Hương Thủy	29.460	49	30	2	12
9	Thành phố Huế	100.000	82	206	2	27
10	Đơn vị lực lượng vũ trang				10	
	Tổng	308.000	555	450	28	145

* Giao chỉ tiêu trồng Mai vàng cho các địa phương, đơn vị

STT	Địa phương	Chỉ tiêu trồng cây Mai vàng giai đoạn 2021-2025					
		Hộ gia đình	Trường học (10 cây/trường)	Cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp (2 cây/đơn vị)	Vườn Mai (200 cây/vườn)	UBND cấp xã (100 cây/xã)	Tổng (cây)
1	Huyện Phong Điền	17.200	710	70	400	1.600	20.000
2	Huyện Quảng Điền	15.700	520	62	400	1.100	17.800
3	Huyện Phú Vang	32.500	870	54	400	1.900	35.700
4	Huyện Phú Lộc	24.900	730	68	400	1.700	27.800
5	Huyện Nam Đông	3.900	300	58	400	1.000	5.700
6	Huyện A Lưới	7.700	480	60	400	1.800	10.400
7	Thị xã Hương Trà	20.900	630	56	400	1.500	23.500
8	Thị xã Hương Thủy	20.600	490	60	400	1.200	22.800
9	Thành phố Huế	30.000	820	412	400	2.700	34.300
10	Đơn vị lực lượng vũ trang				2.000		2.000
	Tổng (làm tròn)	173.400	5.600	900	5.600	14.500	200.000

b) Giao chỉ tiêu trồng cây xanh cho các địa phương thực hiện

* Các số liệu đầu vào để giao chỉ tiêu trồng cây xanh phong trào “Xanh phố - Xanh nhà - Xanh làng xóm”

STT	Địa phương	Số người trong độ tuổi lao động		
		Tổng	Thành thị	Nông thôn
1	Huyện Phong Điền	49.500	4.400	45.100
2	Huyện Quảng Điền	44.700	5.900	38.800
3	Huyện Phú Vang	109.400	20.100	89.300
4	Huyện Phú Lộc	74.100	13.000	61.100
5	Huyện Nam Đông	14.100	1.900	12.200
6	Huyện A Lưới	29.500	4.600	24.900
7	Thị xã Hương Trà	69.400	34.400	35.000
8	Thị xã Hương Thủy	69.500	41.400	28.100
9	Thành phố Huế	220.000	220.000	
	Tổng	680.200	345.700	334.500

* Giao chỉ tiêu trồng cây xanh cho các địa phương thực hiện

STT	Địa phương	Số cây trồng phân theo khu vực (1 người/cây/năm x 5 năm)		
		Tổng	Thành thị	Nông thôn
1	Huyện Phong Điền	250.000	22.000	225.500
2	Huyện Quảng Điền	220.000	29.500	194.000
3	Huyện Phú Vang	550.000	100.500	446.500
4	Huyện Phú Lộc	370.000	65.000	305.500
5	Huyện Nam Đông	70.000	5.000	61.000
6	Huyện A Lưới	150.000	23.000	124.500
7	Thị xã Hương Trà	350.000	172.000	175.000
8	Thị xã Hương Thủy	350.000	207.000	140.500
9	Thành phố Huế	1.100.000	1.100.000	-
	Tổng (làm tròn)	3.400.000	1.700.000	1.700.000

Hiện nay, thành phố Huế có dân số trong độ tuổi lao động ở khu vực đô thị khoảng 220.000 người, dự kiến mỗi lao động trồng 01 cây xanh/năm, do đó trong 05 năm tới trồng khoảng 1.100.000 cây. Tuy nhiên, căn cứ tiềm năng đất

đại hiện có, thành phố Huế chỉ trồng được khoảng 160.000 cây; do đó số người trong độ tuổi lao động còn lại phải có trách nhiệm đóng góp kinh phí trồng cây xanh vào Quỹ Vì một Huế xanh để tổ chức trồng ở các huyện, thị xã.

Các địa phương có thể điều chỉnh linh hoạt các chỉ tiêu trồng cây xanh phân tán và kế hoạch thực hiện từng năm cho phù hợp với điều kiện biến động thực tế, nhưng tổng chỉ tiêu trồng cây xanh tối thiểu cả giai đoạn không được giảm.

c) Trồng cây xanh phân tán từ nguồn ngân sách nhà nước, các dự án và nguồn đóng góp các nhà tài trợ thông qua Quỹ Vì một Huế xanh: Giai đoạn 2021-2025, hỗ trợ trồng ít nhất 2.000.000 cây (*tiến độ thực hiện theo Phụ lục I đính kèm*).

3.2.2. Trồng rừng tập trung: 4.576,0ha, tương đương khoảng 2,3 triệu cây, bao gồm:

a) Trồng rừng phòng hộ: 1.526,0 ha (tương đương khoảng 1,2 triệu cây), trong đó:

- Dự án trồng rừng bảo vệ môi trường (JIFPRO): Trồng 26,0 ha rừng keo, mật độ bình quân 2.000 cây/ha, tương đương khoảng 0,05 triệu cây.

- Trồng bổ sung trong diện tích khoanh nuôi xúc tiến rừng tự nhiên: 750,0 ha, mật độ trồng bổ sung 300 cây/ha, tương đương khoảng 0,23 triệu cây, bao gồm:

+ Rừng cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc huyện A Lưới (320,0 ha), Nam Đông (19,0 ha), Phong Điền (275,0 ha), Phú Lộc (21,0 ha).

+ Ban Quản lý rừng phòng hộ A Lưới (40,0 ha), Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân (75,0 ha).

- Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR): Trồng mới 750,0 ha, tương đương khoảng 0,92 triệu cây, bao gồm:

+ Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển (rừng ngập nước): 200,0 ha (tương đương khoảng 0,38 triệu cây, bao gồm 150 ha rừng ngập mặn (Bần chua, Dừa nước, Đước...), mật độ 2.000 cây/ha, tương đương khoảng 0,3 triệu cây và 50,0 ha rừng ngập ngọt (Bần chua, Dừa nước, Tràm Úc...), mật độ 1.600 cây/ha, tương đương khoảng 0,08 triệu cây.

+ Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát ven biển: 550,0 ha, tương đương khoảng 0,54 triệu cây, bao gồm 150,0 ha rừng keo, mật độ bình quân 2.000 cây/ha, tương đương khoảng 0,3 triệu cây và 400,0 ha rừng bản địa rú cát, mật độ bình quân 600 cây/ha, tương đương khoảng 0,24 triệu cây.

b) Trồng mới rừng sản xuất với mục đích gỗ lớn, lâu năm: 3.050,0 ha (tương đương khoảng 1,1 triệu cây), bao gồm:

- Trồng mới 250,0 ha rừng keo, mật độ sau tía thưa 800 cây/ha, tương

đương khoảng 0,2 triệu cây (bao gồm các hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư: 100,0 ha, các đơn vị khai thác khoáng sản trồng phục hồi rừng: 150,0 ha).

- Trồng bổ sung trong diện tích khoanh nuôi xúc tiến rừng tự nhiên: 1.150,0 ha, mật độ trồng bổ sung 300 cây/ha, tương đương khoảng 0,3 triệu cây, bao gồm:

+ Rừng cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc huyện A Lưới (400,0 ha), Nam Đông (420,0 ha), Phong Điền (100,0 ha), Phú Lộc (10,0 ha).

+ Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong (50,0 ha), Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa (150,0 ha).

- Trồng mới 1.650,0 ha rừng bản địa, tương đương khoảng 0,6 triệu cây:

+ Các hộ gia đình, cá nhân trồng rừng sản xuất cây bản địa gỗ lớn ở các khu vực vùng đệm, từng bước thay thế dần diện tích rừng trồng Keo: 650,0 ha (mật độ 600 cây/ha, tương đương khoảng 0,4 triệu cây).

+ Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Thủy, Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Hương, Ban Quản lý rừng phòng hộ A Lưới, Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Bồ: 1.000,0 ha (mật độ trồng bổ sung 200 cây/ha, tương đương khoảng 0,2 triệu cây).

Các địa phương, chủ rừng và chương trình dự án có thể điều chỉnh linh hoạt các chỉ tiêu trồng cây xanh tập trung và kế hoạch thực hiện từng năm cho phù hợp với điều kiện biến động thực tế, nhưng tổng chỉ tiêu trồng cây xanh tối thiểu cả giai đoạn không được giảm (*tiến độ thực hiện theo Phụ lục II đính kèm*).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Khái toán nhu cầu vốn

1.1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án hưởng ứng trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh khoảng 1.148.000 triệu đồng, trong đó:

- Trồng cây phân tán: 905.000 triệu đồng.
- Trồng rừng tập trung: 243.000 triệu đồng.

1.2. Nhu cầu nguồn vốn phân theo năm:

- Năm 2021: 221.000 triệu đồng.
- Năm 2022: 236.000 triệu đồng.
- Năm 2023: 232.000 triệu đồng.
- Năm 2024: 242.000 triệu đồng.
- Năm 2025: 217.000 triệu đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện

- Ngân sách nhà nước: 29.000 triệu đồng.
- Dịch vụ môi trường rừng: 8.000 triệu đồng.
- Các chương trình, dự án: 123.000 triệu đồng.
- Nguồn thu tía thừa rừng trồng: 41.000 triệu đồng.

- Trồng cây xanh sau khi thực hiện các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 10.000 triệu đồng.

- Vốn xã hội hóa: 937.000 triệu đồng.

(chi tiết xem Phụ lục III, IV, V đính kèm)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Về cơ chế chính sách

1.1. Đối với trồng rừng tập trung

- Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trồng rừng sản xuất gỗ lớn các loài cây bản địa giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh do các Ban quản lý Rừng phòng hộ và các Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên lâm nghiệp; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển rừng trồng sản xuất gỗ lớn các loài keo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; các dự án đầu tư như: Dự án Đầu tư phát triển rừng ven biển đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế (SPRCC), dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR)...

- Tuyên truyền phổ biến chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

1.2. Đối với trồng cây phân tán

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ giống cây trồng phân tán, khảo sát thiết kế lập dự toán trồng cây phân tán hằng năm, khuyến lâm và quản lý cây trồng phân tán ở khu vực đất công ven đường giao thông, bờ kênh, bờ mương, các công trình văn hóa, đền thờ, chùa, vườn nhà...

- Kinh phí đầu tư trồng, chăm sóc và bảo vệ cây trồng phân tán do người trồng tự đảm bảo; các tổ chức, cá nhân trồng cây phân tán được hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác, sau khi khai thác phải có trách nhiệm trồng lại để phát huy được hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng chính sách ưu đãi cụ thể, trực tiếp cho các chủ đầu tư, doanh nghiệp thực hiện tốt việc trồng cây xanh (trên mức cơ bản) trong khuôn viên đơn vị để khuyến khích việc xây dựng doanh nghiệp xanh. Đưa nội dung trồng cây xanh trở thành tiêu chí đánh giá cơ sở công nghiệp đạt yêu cầu bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Về rà soát quỹ đất

- Các địa phương, đơn vị chủ rừng tổ chức rà soát quy hoạch sử dụng đất, trong đó xác định quỹ đất trồng rừng phòng hộ, đặc dụng và trồng mới rừng sản xuất; đất quy hoạch trồng cây xanh phân tán, trong đó lưu ý rà soát toàn bộ diện đất trống manh mún trong các khu rừng giao quản lý, nhưng diện tích rừng trồng

nhưng không thành rừng; những khu vực canh tác nương rẫy kém hiệu quả cần phải chuyển đổi sang mục đích trồng rừng, bảo vệ môi trường.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương rà soát, nghiên cứu đề quy hoạch, xây dựng các điểm trồng Mai vàng trọng điểm nhằm tạo điểm nhấn cho xứ sở Mai vàng của Việt Nam theo nhiệm vụ và giải pháp được giao tại Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án “Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành xứ sở Mai vàng của Việt Nam”.

- Tổ chức giao đất, giao rừng, đảm bảo diện tích đất đai thuộc các đối tượng trồng rừng và trồng cây phân tán phải có chủ quản lý cụ thể, rõ ràng. Diện tích đất có khả năng trồng cây thuộc các tổ chức và hộ gia đình thì các tổ chức và hộ gia đình có trách nhiệm quản lý và có kế hoạch cụ thể để trồng, chăm sóc cây xanh hàng năm.

- Đối với diện tích đất công, các công trình công cộng, đường giao thông, bờ kênh mương thủy lợi...thì chính quyền địa phương tổ chức giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hiệp hội, đoàn thể quần chúng trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ cây phân tán.

3. Tập trung tôn tạo cảnh quan ở các điểm di tích, khu du lịch, các tuyến đường trọng điểm du lịch

- Để tạo cảnh quan đô thị, bảo vệ môi trường, tiếp tục đẩy mạnh trồng, chăm sóc và phát triển hệ thống cây xanh, cây cảnh, hoa tại các điểm, khu du lịch, trên các tuyến đường, khu dân cư, nơi công cộng...; đồng thời nghiên cứu xây dựng bổ sung các công trình công cộng (như lâm viên, công viên văn hóa, công viên khu nhà ở...) nhằm góp phần tạo cảnh quan theo hướng xanh - sạch - sáng, văn minh.

- Ở những diện tích đất lâm nghiệp nằm dọc các trục đường chính giao thông (như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 49,...), nghiên cứu xây dựng hình thành các vành đai cây trồng lâm nghiệp bản địa với chu kỳ kinh doanh dài, có tính ổn định cao, từng bước thay thế dần những diện tích rừng keo với chu kỳ kinh doanh ngắn. Do đó, yêu cầu các chủ rừng dành quỹ đất hợp lý (tối thiểu 10%) để trồng bổ sung các loài cây bản địa phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, ưu tiên các loài cây đặc hữu tại địa phương.

4. Về cây giống lâm nghiệp

4.1. Danh mục loài cây trồng

- Đối với cây trồng phân tán: Theo danh mục loài cây trồng tại Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Danh mục cây xanh kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 về việc ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên

địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đối với cây trồng tập trung: Ưu tiên các loài cây trồng thuộc danh mục loài cây trồng rừng kinh tế cung cấp gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.2. Nguồn cung giống cây lâm nghiệp

- Tập trung xây dựng các nguồn giống, vườn ươm cây trồng lâm nghiệp bản địa phục vụ nhu cầu giống tại chỗ, đảm bảo cung cấp giống cho hoạt động trồng rừng gỗ lớn, trồng cây phân tán khu vực nông thôn và thành thị.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các Ban Quản lý Rừng phòng hộ và Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên lâm nghiệp xây dựng các vườn ươm giống cây lâm nghiệp, đẩy mạnh gieo ươm các loài cây bản địa cung cấp đầy đủ cho nhu cầu trồng rừng trên địa bàn tỉnh.

- Giao Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, Trung tâm Công viên Cây xanh Huế và Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong, Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền triển khai các hoạt động nhân giống và cung cấp giống Mai vàng Huế. Trước mắt khi chưa hoàn thiện quy trình sản xuất giống bằng các hình thức giâm hom/lấy hạt, giao các đơn vị sản xuất thử nghiệm bằng phương pháp hạt ngay trong năm 2021 nhằm đảm bảo số lượng cây Mai vàng như sau:

+ Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế sản xuất 10.000 cây.

+ Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã Điền Hòa sản xuất 10.000 cây.

+ Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong sản xuất 10.000 cây.

- Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền, Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên lâm nghiệp Tiên Phong và Trung tâm Công viên cây xanh Huế xây dựng vườn ươm giống thương mại phục vụ hoạt động sản xuất trồng Mai vàng cung ứng cho thị trường.

- Ưu tiên nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào gieo ươm và trồng các loài cây lâm nghiệp bản địa theo hướng thân thiện với môi trường, đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển ổn định, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học.

5. Về kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ

5.1. Đối với cây xanh trồng rừng tập trung

- Trồng rừng phòng hộ:

+ Đối với rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư: trồng rừng ở nơi đất trống, không có khả năng tái sinh tự nhiên thành rừng; trồng hỗn giao loài cây bản địa, cây đa tác dụng, cây lâm sản ngoài gỗ.

+ Đối với rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển: thiết lập đai rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên ở từng nơi; trồng rừng bằng loài cây có bộ rễ sâu bám chắc, ưu tiên cây bản địa, sinh trưởng được trong điều kiện khắc nghiệt và có khả năng chống chịu tốt; trồng bổ sung tại những nơi chưa đủ tiêu chí thành rừng.

- Trồng rừng sản xuất:

Xây dựng, hình thành vùng rừng trồng tập trung, áp dụng công nghệ sinh học hiện đại và kỹ thuật thâm canh rừng để nâng cao năng suất rừng trồng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản. Khuyến khích sử dụng các loài cây bản địa; trồng rừng hỗn loài, kết hợp trồng cây gỗ nhỏ mọc nhanh và cây gỗ lớn dài ngày ở những nơi có điều kiện thích hợp.

5.2. Đối với cây xanh trồng phân tán

- Khu vực đô thị: tổ chức trồng, chăm sóc cây theo quy trình trồng cây xanh đô thị và áp dụng kỹ thuật thâm canh để cây đạt tỷ lệ sống cao, sinh trưởng, phát triển tốt, sớm phát huy tác dụng, cảnh quan. Thực hiện thiết kế, trồng cây xanh theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9257:2012.

- Khu vực nông thôn: lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa, tập quán canh tác; tổ chức trồng, chăm sóc rừng và cây xanh theo tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật cụ thể của từng loài cây.

5.3. Ứng dụng khoa học công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong việc trồng, chăm sóc, dịch chuyển cây xanh phân tán; bảo đảm việc trồng, chăm sóc, bảo vệ và phát triển cây xanh được an toàn, hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về trồng, chăm sóc, phát triển cây xanh trồng tập trung và cây xanh phân tán.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển giống Mai vàng Huế; nghiên cứu xây dựng quy trình trồng, chăm sóc và các giải pháp phòng ngừa sâu bệnh cho Mai vàng Huế; xác lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Mai vàng Huế” gắn với mục tiêu xây dựng Huế trở thành xứ sở Mai vàng của Việt Nam.

6. Về huy động nguồn lực

6.1. Nguồn lực từ ngân sách địa phương

- Phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương để hỗ trợ cây giống lâm nghiệp phục vụ Tết trồng cây hàng năm. Bố trí kinh phí mỗi năm hỗ trợ khoảng 10.000 cây giống lâm nghiệp bản địa phục vụ Tết trồng cây (bao gồm Tết trồng cây do Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương, đơn vị phát động). Giai đoạn 2021-2025, hỗ trợ ít nhất 50.000 cây lâm nghiệp bản địa.

- Nguồn vốn hỗ trợ từ các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, ưu tiên bố trí nguồn vốn để hỗ trợ trồng rừng tập trung với các loài cây bản địa gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và vườn ươm cây giống lâm nghiệp công nghệ cao, các loài bản địa.

6.2. Nguồn lực từ dịch vụ môi trường rừng

- Hỗ trợ trồng cây xanh từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 80, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Hỗ trợ trồng cây xanh tập trung và phân tán từ nguồn thu bán tín chỉ các bon rừng theo “Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ” ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng Thế giới - cơ quan nhận ủy thác của Quỹ Đối tác Carbon trong Lâm nghiệp (FCPF).

Từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chi trả kinh phí dịch vụ môi trường rừng để các chủ rừng tổ chức trồng rừng tập trung, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung đảm bảo đúng quy định hiện hành.

6.3. Nguồn lực từ các Chương trình, dự án

- Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR): Đầu tư hỗ trợ trồng khoảng 750,0 ha rừng tập trung và 200.000 cây phân tán ở các khu vực ven biển, đàm phá với các loài cây trồng chủ yếu: Keo lười liềm, Bần chua, Đước, Dừa nước, Tràm úc...

- Dự án trồng rừng bảo vệ môi trường (JIFPRO): Đầu tư hỗ trợ trồng khoảng hơn 26,0 ha rừng phòng hộ ven biển, vùng cát nội đồng với loài cây trồng chủ yếu là Keo lười liềm, Keo chịu hạn...

- Các dự án thuộc Tổ chức phi Chính phủ: Hỗ trợ xây dựng vườn ươm, rà soát, đánh giá công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp và hỗ trợ chi phí trồng các loài cây bản địa đặc hữu, lâm sản ngoài gỗ ở các khu vực trung du, miền núi thuộc địa bàn quản lý của các Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng.

- Các dự án, công trình có lồng ghép trồng cây phân tán (như phát triển hạ tầng đô thị, xây dựng khu công nghiệp, công sở, đường giao thông, quảng trường, khu đô thị mới, công viên văn hóa, trường học, nghĩa trang...): Bố trí quỹ đất trồng cây xanh đảm bảo tiêu chuẩn, quy định hiện hành; trong đó, lưu ý một số công trình trọng điểm đang và sắp triển khai trên địa bàn tỉnh như Khu đô thị mới An Dương Vương, Công viên Văn hóa tại Ngự Bình, đường bộ ven biển, đường vành đai III, các điểm kết nối cầu Nguyễn Hoàng, mở rộng Sân bay Quốc tế Phú Bài, đường Tổ Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài... cần bố trí cây trồng phù hợp đảm bảo không gian xanh sạch sáng.

6.4. Trồng bổ sung cây bản địa từ nguồn giữ lại từ khai thác, tĩa thừa rừng trồng

Phần kinh phí giữ lại từ khai thác, tĩa thừa rừng trồng sẽ trồng bổ sung các loài cây bản địa trên toàn bộ diện tích sau tĩa thừa rừng (đối với những diện tích trước đây chưa đạt các tiêu chí thành rừng thì sẽ được tính trong kế trồng cây xanh giai đoạn 2021-2025). Theo kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh sẽ trồng bổ sung khoảng 1.000 ha rừng trồng, bình quân trồng bổ sung 50%, tương đương trồng mới 200.000 cây bản địa.

6.5. Trồng cây xanh sau khi thực hiện các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Đối với các công trình xây dựng với mục đích lâu dài (thủy điện, nhà máy, khu công nghiệp...), chủ đầu tư chịu trách nhiệm trồng cây xanh phân tán với số lượng hợp lý nhằm tạo cảnh quan thiên nhiên, điều hòa môi trường không khí.

- Đối với các công trình hoàn thổ đất sau khi thực hiện hoàn thành công trình (khai thác khoáng sản Titan, đất...), chủ đầu tư chịu trách nhiệm trồng lại rừng tập trung nhằm đảm bảo chức năng phục hồi môi trường sinh thái. Giai đoạn 2021-2025, dự kiến trồng mới phục hồi rừng khoảng 150,0 ha rừng tập trung.

6.6. Nguồn lực từ xã hội hóa

6.6.1. Hỗ trợ tài chính thông qua Quỹ Vì một Huế xanh

- Hỗ trợ từ các đơn vị sử dụng môi trường rừng (các nhà máy thủy điện, thủy lợi, nhà máy nước sạch, Khu Du lịch nghỉ dưỡng...): Ngoài kinh phí chi trả từ dịch vụ môi trường rừng, tiếp tục kêu gọi các đơn vị nêu trên cam kết đóng góp thêm từ 5-10% kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng cho Quỹ Vì một Huế xanh trên địa bàn tỉnh để trồng cây xanh, trồng rừng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời vận động kêu gọi các nhà máy, khu dịch vụ, du lịch, nghỉ trang, khu công nghiệp trồng cây xanh trong khuôn viên và trong phạm vi giải cách ly nhằm đảm bảo chức năng cách ly, điều hòa môi trường không khí và cảnh quan trong khu vực.

- Hỗ trợ từ các doanh nghiệp gây phát thải khí nhà kính (các đơn vị khai thác khoáng sản, nhà máy xi măng...): Tổ chức phục hồi môi trường thông qua hoạt động trồng bổ sung cây xanh trên các tuyến đường, khu dân cư bị tác động trực tiếp do ô nhiễm không khí hoặc đóng góp kinh phí ít nhất 1,0% doanh thu hàng năm cho Quỹ vì một Huế xanh.

- Huy động hỗ trợ từ các doanh nghiệp lớn chung tay tham gia bảo vệ môi trường (Tổng Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam, Tập đoàn Vincom, Công ty TNHH Bia Huế, Công ty Scavi, Ngân hàng và các doanh nghiệp khác đóng trên địa bàn tỉnh) hỗ trợ trồng cây phân tán và rừng tập trung cây bản địa trên địa

bàn tỉnh.

Nguồn kinh phí đóng góp từ công tác xã hội hóa, Quỹ Vì một Huế xanh chịu trách nhiệm tổ chức cấp cây xanh trồng phân tán đảm bảo hiệu quả.

6.6.2. Hỗ trợ đầu tư trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân

* Hỗ trợ từ các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng lâm sản có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (Công ty TNHH Scansia Pacific, Tập đoàn An Việt Phát,...): Yêu cầu các đơn vị tham gia hoạt động quản lý rừng bền vững chịu trách nhiệm cam kết hỗ trợ cây giống bản địa và chi phí trồng cây xanh ở các vùng đệm ít nhất 10% diện tích khu rừng tham gia chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025, diện tích rừng FSC tăng thêm khoảng 6.500 ha. Vì vậy, diện tích trồng bổ sung các loài cây bản địa ở các vùng đệm dự kiến khoảng 650,0 ha.

* Đóng góp từ doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân thông qua phát động các phong trào trồng cây xanh, cụ thể như sau:

- Hưởng ứng phong trào “Mai vàng trước ngõ”:

+ Vận động các hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh (có điều kiện) trồng mai vàng trước ngõ, trong sân vườn; trong đó các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp phải tiên phong làm trước, mỗi đơn vị trồng ít nhất 02 cây với mục tiêu đưa Thừa Thiên Huế trở thành xứ sở mai vàng của Việt Nam, tạo điểm nhấn về cảnh quan sinh thái nhân văn truyền thống của vùng đất Cố đô; quy hoạch trồng các rừng mai vàng, đường mai vàng; hình thành các câu lạc bộ “những người yêu Mai Huế; tổ chức “Festival Mai Huế” vào mùa xuân hàng năm nhằm tạo điểm nhấn không gian cảnh quan xanh - sạch - sáng.

- Hưởng ứng các phong trào “Xanh phố, xanh nhà, xanh làng xóm”...: Mỗi người dân đóng góp hoặc trồng 02 cây xanh tại vườn nhà, đền thờ, công viên...Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế có dân số khoảng 1.136.000 người, trong đó số người trong độ tuổi lao động khoảng 680.300 người, do đó giai đoạn 2021-2025 dự kiến mỗi lao động trồng 01 cây, tương đương trồng mới khoảng 3.400.000 cây xanh.

Ngoài sự đóng góp về vốn để mua vật tư, cây giống; tích cực huy động nguồn lực về lao động, sự tình nguyện tham gia của các tổ chức, đoàn thể, quần chúng, các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh (*chi tiết xem Phụ lục VI đính kèm*).

7. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao năng lực, nhận thức

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, tác dụng của rừng và cây xanh trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “Tết trồng cây đời đời

nhớ ơn Bác Hồ” ngay từ đầu năm và kêu gọi các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh trồng cây xanh quanh năm.

- Phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành, chủ rừng và toàn xã hội trong việc bảo vệ và phát triển rừng, trồng cây xanh.

- Lồng ghép các buổi sinh hoạt tổ dân phố, sinh hoạt Đoàn thanh niên, các đoàn thể ở địa phương, nhà trường để tuyên truyền về vai trò, lợi ích cây xanh và những thông tin về công tác xã hội hóa phát triển cây xanh.

- Tiếp tục xây dựng các tài liệu tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng phòng hộ và trồng, chăm sóc cây xanh đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Tổ chức các cuộc thi hưởng ứng ngày Môi trường thế giới 05/6, ngày Lâm nghiệp Việt Nam 28/11 hoặc các ngày lễ truyền thống của địa phương nhằm tuyên truyền về công tác xã hội hóa phát triển cây xanh, huy động các tổ chức, cá nhân đóng góp các sáng kiến cho các cơ quan quản lý cây xanh.

- Duy trì có hiệu quả các phong trào thi đua như “Ngày Chủ Nhật xanh”, “Ngày Chủ Nhật nông thôn mới”, “Mai vàng trước ngõ”, “Trồng thêm một cây xanh là thêm một hành động vì môi trường”, “Màu xanh cho tương lai”, “Xanh phố, xanh nhà, xanh làng xóm”... để kêu gọi, vận động toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội. Đưa nhiệm vụ trồng cây trở thành phong trào thi đua của các cấp, các ngành và mọi người dân.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành

1.1. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó ban (phụ trách theo dõi lĩnh vực trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán ở khu vực nông thôn) và Sở Xây dựng làm Phó ban (phụ trách theo dõi lĩnh vực trồng cây phân tán ở khu vực đô thị) và lãnh đạo các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan là thành viên.

Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo trồng cây xanh:

- Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Đề án hưởng ứng trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Điều hành, phối hợp hoạt động giữa các ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm và 05 năm.

1.2. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện

Thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện, thị xã, thành phố Huế làm Trưởng ban, lãnh đạo Phòng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hoặc Phòng Kinh tế thị xã, thành phố làm Phó ban (phụ trách theo dõi lĩnh vực trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán ở khu vực nông thôn) và Phòng Kinh tế, Hạ tầng huyện hoặc Phòng Quản lý đô thị thị xã, thành phố làm Phó ban (phụ trách theo dõi lĩnh vực trồng cây phân tán ở khu vực đô thị) và lãnh đạo các phòng ban liên quan cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã là thành viên.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế là cơ quan thường trực chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng huyện hoặc Phòng Quản lý đô thị thị xã, thành phố tham mưu Ban Chỉ đạo triển khai Đề án tại địa phương.

2. Trách nhiệm của sở, ban ngành, đơn vị liên quan

2.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực Đề án, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai trồng cây xanh tập trung; đồng thời tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án này.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn về kỹ thuật đối với trồng rừng tập trung và trồng cây xanh khu vực nông thôn; phối hợp với Sở Xây dựng chỉ đạo, hướng dẫn về kỹ thuật đối với trồng cây xanh khu vực đô thị.

- Chỉ đạo xây dựng nguồn giống và hoạt động gieo ươm cây lâm nghiệp bản địa, đảm bảo cung cấp cây giống đầy đủ phục vụ nhu cầu trồng cây xanh tập trung và cây phân tán ở khu vực nông thôn; phối hợp với Trung tâm Công viên cây xanh Huế, Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong gieo ươm cây giống phục vụ trồng cây xanh ở khu vực đô thị.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về hiệu quả của trồng cây xanh, cây lâm nghiệp bản địa với chu kỳ kinh doanh dài, có tính ổn định cao, từng bước thay thế dần những diện tích rừng keo có chu kỳ kinh doanh ngắn nhằm góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nghiên cứu thành lập Quỹ Vì một Huế xanh theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện việc trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các chủ rừng, địa phương nghiêm túc thực hiện Đề án trồng cây xanh, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện.

2.2. Sở Xây dựng

- Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại

Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 về việc ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Trong phạm vi ngành mình quản lý có trách nhiệm xây dựng kế hoạch trồng xanh để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

2.3. Sở Tài Nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương rà soát quy hoạch sử dụng đất cho phát triển rừng và trồng cây xanh, bảo đảm ổn định, lâu dài, đúng mục đích; ưu tiên dành quỹ đất hợp lý để trồng cây xanh đô thị, cây trồng phân tán và trồng trồng rừng.

2.4. Sở Giao thông vận tải

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch này.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện các dự án phát triển giao thông đường bộ gắn với trồng và phát triển cây xanh; bảo đảm hệ thống đường giao thông ngoài đô thị được trồng cây xanh ở những nơi có đủ điều kiện, tạo cảnh quan, bóng mát theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành và bảo đảm an toàn giao thông.

2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai lồng ghép các nội dung của Đề án “Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành xứ sở Mai vàng của Việt Nam” vào Đề án hưởng ứng trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

2.6. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh huy động, bố trí kinh phí để thực hiện kế hoạch này. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước phục vụ công tác trồng rừng, trồng cây xanh phân tán theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu cấp phép hoạt động đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp, phải ràng buộc các nội dung liên quan đến trách nhiệm cam kết đóng góp nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trồng cây xanh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích ưu đãi các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh trên địa bàn tỉnh.

- Kêu gọi, vận động tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; tăng cường tìm kiếm nguồn đầu tư, thu hút đầu tư cho công tác phát triển cây xanh từ các nguồn vốn khác.

2.7. Các sở, ban, ngành khác có liên quan (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế, Công nghiệp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa và Thể Thao, Sở Du lịch,...)

- Trong phạm vi ngành mình quản lý có trách nhiệm xây dựng kế hoạch trồng xanh để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tổ chức trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ và theo dõi, giám sát cây xanh sau khi trồng.

2.8. Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp, hiệp hội

- Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động thành viên tổ chức tham gia trồng cây, trồng rừng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ cây xanh.

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng về mục đích, ý nghĩa của việc trồng và bảo vệ rừng, cây xanh; động viên, khuyến khích, kêu gọi toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội.

- Vận động, hướng dẫn quần chúng, nhân dân ký các cam kết, hương ước về bảo vệ rừng, bảo vệ cây xanh.

- Huy động nguồn vốn trong các tổ chức, doanh nghiệp; quyên góp của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng cho phát triển cây xanh.

- Tiếp tục thành lập các Hợp tác xã Lâm nghiệp bền vững hướng đến thành lập liên hiệp các Hợp tác xã; đồng thời tăng cường kêu gọi các tổ chức, cá nhân trồng rừng cam kết trích một phần kinh phí sau khai thác rừng để trồng bổ sung các loài cây bản địa.

- Triển khai các hoạt động tình nguyện tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh.

2.9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

- Lồng ghép các nội dung của Đề án “Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành xứ sở Mai vàng của Việt Nam” vào Đề án hưởng ứng trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để xây dựng kế hoạch trồng cây phân tán tại các địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

- Ủy ban nhân dân thành phố Huế chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu đề xuất xây dựng lâm viên, vườn bách thảo phù hợp với mục tiêu xây dựng không gian đô thị Huế theo hướng di sản và môi trường.

- Kêu gọi, huy động các tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương tham gia, chung tay đóng góp thực hiện trồng cây xanh vì cộng đồng.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án phát triển cây xanh trên địa bàn. Giao chỉ tiêu kế hoạch trồng cây hằng năm cho các Ủy ban nhân dân cấp

xã, cơ quan, đơn vị và từng khu dân cư; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trường học, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia trồng cây, trồng rừng; đồng thời tổ chức kiểm tra, chỉ đạo, giám sát, phân công trách nhiệm cho các địa phương, tổ chức, đoàn thể trong quá trình trồng, chăm sóc, bảo vệ, quản lý rừng và cây xanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về trồng cây xanh, cây lâm nghiệp bản địa với chu kỳ kinh doanh dài, có tính ổn định cao, từng bước thay thế dần những diện tích rừng keo có chu kỳ kinh doanh ngắn; khuyến khích việc tự nguyện đăng ký trồng rừng, trồng cây xanh phân tán từ cấp cơ sở như: thôn bản, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, đoàn thanh niên,...; phát động phong trào thi đua trồng cây, trồng rừng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa...

- Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có điều chỉnh, bổ sung các nội dung có liên quan, đề nghị phản ánh qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời.

2.10. Các cơ quan thông tin truyền thông

Phối hợp với các ban ngành, địa phương liên quan tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng; góp phần nâng cao giá trị kinh tế, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.11. Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp và các dự án lâm nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh

- Rà soát toàn bộ diện tích đất trồng rừng hiện có, xây dựng kế hoạch trồng cây xanh 05 năm, hằng năm để triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Đề án này.

- Rà soát và xây dựng các nguồn giống cây trồng lâm nghiệp bản địa, tổ chức thu hái, gieo ươm cây con, đảm bảo cung cấp đầy đủ nhu cầu trồng rừng tại đơn vị.

VII. CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế định kỳ báo cáo trước ngày 15/12 hằng năm về cơ quan thường trực là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, biểu dương khen thưởng, nhân rộng điển hình những tổ chức, cá nhân làm tốt; đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi phá hoại rừng, cây xanh./.



Phụ lục I

TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ TRỒNG CÂY XANH PHÂN TÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số **1566/QĐ-UBND** ngày **26/6/2021** của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Địa phương	Kế hoạch trồng cây xanh phân tán theo năm (cây)					
		2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
1	Huyện Phong Điền	155.000	155.000	155.000	173.000	173.000	811.000
2	Huyện Quảng Điền	84.000	84.000	84.000	93.000	93.000	438.000
3	Huyện Phú Vang	153.000	153.000	153.000	170.000	170.000	799.000
4	Huyện Phú Lộc	178.000	178.000	178.000	198.000	198.000	930.000
5	Huyện Nam Đông	39.000	39.000	39.000	43.000	43.000	203.000
6	Huyện A Lưới	69.000	69.000	69.000	77.000	77.000	361.000
7	Thị xã Hương Trà	109.000	109.000	109.000	121.000	121.000	569.000
8	Thị xã Hương Thủy	74.000	74.000	74.000	82.000	82.000	386.000
9	Thành phố Huế	39.000	39.000	39.000	43.000	43.000	203.000
	Tổng	900.000	900.000	900.000	1.000.000	1.000.000	4.700.000



Phụ lục II

TỔNG HỢP TRỒNG CÂY XANH TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Đơn vị	Diện tích theo năm (ha)						Quy ra số cây tương đương (cây)					
		Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
1	Trồng rừng phòng hộ	1.526	480	370	327	200	150	1.200.000	400.000	330.000	280.000	150.000	45.000
a	Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới	776	160	160	157	150	150	277.000	64.000	64.000	59.000	45.000	45.000
	Các loài keo	26	10	10	7			52.000	19.000	19.000	14.000		
	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	750	150	150	150	150	150	225.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
b	Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển	200		80	70	50		380.000		148.000	132.000	100.000	
	Rừng ngập mặn	150		50	50	50		300.000		100.000	100.000	100.000	
	Rừng ngập ngọt	50		30	20			80.000		48.000	32.000		
c	Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát ven biển	550	320	130	100			540.000	332.000	120.000	88.000		
	Các loài keo	150	100	30	20			300.000	200.000	60.000	40.000		
	Các loài cây bản địa	400	220	100	80			240.000	132.000	60.000	48.000		
2	Trồng mới rừng sản xuất gỗ lớn	3.050	580	580	630	630	630	1.100.000	218.000	218.000	233.000	233.000	233.000
a	Các loài keo	250	50	50	50	50	50	200.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
b	Các loài cây bản địa	2.800	530	530	580	580	580	935.000	178.000	178.000	193.000	193.000	193.000

STT	Đơn vị	Diện tích theo năm (ha)						Quy ra số cây tương đương (cây)					
		Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
	Trồng mới	650	130	130	130	130	130	390.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000
	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	1.150	200	200	250	250	250	345.000	60.000	60.000	75.000	75.000	75.000
	Trồng bổ sung nâng cấp rừng	1.000	200	200	200	200	200	200.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
	Tổng (làm tròn)	4.576	1.060	950	957	830	780	2.300.000	600.000	500.000	500.000	400.000	300.000



Phụ lục III

TIẾN ĐỘ TRỒNG CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quyết định số ~~1566~~ **1566** /QĐ-UBND ngày **26** /6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Phương thức	Đơn vị tính	Số lượng cây xanh phân theo năm						Đơn giá bình quân tạm tính (triệu đồng)	Tổng nhu cầu vốn (triệu đồng)
			Tổng	2021	2022	2023	2024	2025		
I	Trồng cây phân tán	Cây	4.700.000	900.000	900.000	900.000	1.000.000	1.000.000		905.000
1	Cây trồng khu vực đô thị	Cây	1.750.000	335.000	335.000	335.000	372.000	372.000	0,50	875.000
2	Cây trồng khu vực nông thôn	Cây	2.950.000	565.000	565.000	565.000	628.000	628.000	0,01	30.000
II	Trồng mới rừng tập trung	Ha	4.576	1.060	950	957	830	780		243.000
1	Trồng rừng phòng hộ	Ha	1.526	480	370	327	200	150		126.000
a	Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới	Ha	776	160	160	157	150	150		6.000
	Các loài keo	Ha	26	10	10	7			55	1.000
	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	Ha	750	150	150	150	150	150	6,6	5.000
b	Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển	Ha	200		80	70	50			80.000
	Rừng ngập mặn	Ha	150		50	50	50		500	75.000
	Rừng ngập ngọt	Ha	50		30	20			100	5.000
c	Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát ven biển	Ha	550	320	130	100				40.000
	Các loài keo	Ha	150	100	30	20			55	8.000

STT	Phương thức	Đơn vị tính	Số lượng cây xanh phân theo năm					Đơn giá bình quân tạm tính (triệu đồng)	Tổng nhu cầu vốn (triệu đồng)	
			Tổng	2021	2022	2023	2024			2025
	Các loài cây bản địa	Ha	400	220	100	80			80	32.000
2	Trồng mới rừng sản xuất gỗ lớn	Ha	3.050	580	580	630	630	630		117.300
a	Các loài keo	Ha	250	50	50	50	50	50	70	18.000
b	Các loài cây bản địa	Ha	2.800	530	530	580	580	580		99.265
	Trồng mới	Ha	650	130	130	130	130	130	80	51.675
	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	Ha	1.150	200	200	250	250	250	6,6	7.590
	Trồng bổ sung nâng cấp rừng	Ha	1.000	200	200	200	200	200	40	40.000
Tổng cộng										1.148.000



Phụ lục IV
TIẾN ĐỘ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Phương thức	Vốn đầu tư phân theo năm (triệu đồng)					
		Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
I	Trồng cây phân tán	905.000	173.000	173.000	173.000	192.000	192.000
1	Cây trồng khu vực đô thị	875.000	167.500	167.500	167.500	186.000	186.000
2	Cây trồng khu vực nông thôn	30.000	5.650	5.650	5.650	6.280	6.280
II	Trồng mới rừng tập trung	243.000	48.000	62.000	59.000	49.000	24.000
1	Trồng rừng phòng hộ	126.500	24.503	39.113	35.835	25.990	990
a	Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới	6.400	1.513	1.513	1.375	990	990
	Các loài keo	1.400	523	523	385		
	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	5.000	990	990	990	990	990
b	Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển	80.000		28.000	27.000	25.000	
	Rừng ngập mặn	75.000		25.000	25.000	25.000	
	Rừng ngập ngọt	5.000		3.000	2.000		
c	Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát ven biển	40.100	22.990	9.600	7.460		
	Các loài keo	8.250	5.500	1.650	1.100		
	Các loài cây bản địa	31.800	17.490	7.950	6.360		
2	Trồng mới rừng sản xuất gỗ lớn	116.800	23.155	23.155	23.485	23.485	23.485
a	Các loài keo	17.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500
b	Các loài cây bản địa	99.300	19.655	19.655	19.985	19.985	19.985
	Trồng mới	51.700	10.335	10.335	10.335	10.335	10.335

STT	Phương thức	Vốn đầu tư phân theo năm (triệu đồng)					
		Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	7.600	1.320	1.320	1.650	1.650	1.650
	Trồng bổ sung nâng cấp rừng	40.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
Tổng		1.148.000	221.000	236.000	232.000	242.000	217.000



Phụ lục V

VỐN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Phương thức	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)						
		Tổng	Ngân sách địa phương	Dịch vụ môi trường rừng	Chương trình, dự án	Trồng bổ sung cây bản địa từ nguồn giữ lại từ khai thác, tỉa thưa rừng trồng	Trồng cây xanh sau khi thực hiện các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Xã hội hóa
I	Trồng cây phân tán	905.000	25.000		2.000			878.000
1	Cây trồng khu vực đô thị	875.000	25.000					850.000
2	Cây trồng khu vực nông thôn	30.000			2.000			28.000
II	Trồng mới rừng tập trung	243.000	4.000	8.000	122.000	41.300	10.000	59.000
1	Trồng rừng phòng hộ	126.500	1.500	3.000	121.500	500		
a	Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới	6.400	1.500	3.000	1.430	500		
	Các loài keo	1.400			1.430			
	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	5.000	1.500	3.000		500		
b	Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển	80.000			80.000			
	Rừng ngập mặn	75.000			75.000			
	Rừng ngập ngọt	5.000			5.000			
c	Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát ven biển	40.050			40.050			
	Các loài keo	8.300			8.250			

STT	Phương thức	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)						
		Tổng	Ngân sách địa phương	Dịch vụ môi trường rừng	Chương trình, dự án	Trồng bổ sung cây bản địa từ nguồn giữ lại từ khai thác, tỉa thưa rừng trồng	Trồng cây xanh sau khi thực hiện các công trình chuyên đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Xã hội hóa
	Các loài cây bản địa	31.800			31.800			
2	Trồng mới rừng sản xuất gỗ lớn	116.800	2.280	4.560		40.800	10.000	58.700
a	Các loài keo	17.500					10.000	7.000
b	Các loài cây bản địa	99.300	2.280	4.560		40.800		51.700
	Trồng mới							51.700
	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	7.600	2.280	4.560		760		
	Trồng bổ sung nâng cấp rừng					40.000		
Tổng		1.148.000	29.000	8.000	123.000	41.000	10.000	937.000



Phụ lục VI

**TỔNG HỢP SỐ QUẢ TRỒNG CÂY XANH TẬP TRUNG VÀ PHÂN TÁN
TỪ CÁC NGUỒN LỰC DỰ KIẾN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 26/6/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Nguồn hỗ trợ	Trồng rừng tập trung		Trồng cây phân tán (cây)	Tổng (cây)
		Diện tích (ha)	Quy ra số cây (cây)		
I	Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	570	171.000	50.000	221.000
1	Hỗ trợ cây giống bản địa phục vụ Tết trồng cây			50.000	50.000
2	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	570	171.000		171.000
II	Dịch vụ môi trường rừng	1.140	342.000		342.000
III	Chương trình, dự án	776	972.000	200.000	1.172.000
1	Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	750	920.000	200.000	1.120.000
2	Dự án trồng rừng bảo vệ môi trường (rừng phòng hộ)	26	52.000		52.000
IV	Trồng bổ sung cây bản địa từ nguồn giữ lại từ khai thác, tái thừa rừng trồng	1.190	257.000		257.000
1	Trồng bổ sung cây bản địa từ nguồn thu giữ lại từ khai thác, thừa rừng trồng (rừng sản xuất)	1.000	200.000		200.000
2	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung các loài cây bản địa	190	57.000		57.000
V	Trồng cây xanh sau khi thực hiện các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	150	120.000		120.000
1	Đối với các công trình xây dựng với mục đích lâu dài				
2	Đối với các công trình hoàn thổ đất sau khi thực hiện hoàn thành công trình (rừng sản xuất)	150	120.000		120.000
VI	Xã hội hóa	750	470.000	4.400.000	4.870.000
1	Phong trào “Mai vàng trước ngõ”			200.000	200.000
2	Trồng rừng sản xuất thuộc vùng đệm rừng tham gia FSC	650	390.000		390.000
3	Trồng mới rừng sản xuất gỗ lớn từ hộ gia đình, cá nhân	100	80.000		80.000
4	Vận động người dân hưởng ứng phong trào “Xanh phố, xanh làng, xanh làng xóm”			3.400.000	3.400.000
5	Quỹ Vì một Huế xanh (chưa tính số người trong độ tuổi lao động ở thành phố Huế nộp Quỹ Vì một Huế xanh theo phong trào “Xanh phố, xanh làng, xanh hàng xóm”)			800.000	800.000
	Tổng dự kiến	4.576	2.300.000	4.700.000	7.000.000